

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Hồ Hữu Thỏa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 350/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị D, sinh năm 1987. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Vũ Văn P, sinh năm 1984. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn P có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/8/2010 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P đánh đập chị, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang từ đó cho đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Thu P1, sinh ngày 09/6/2010 và Vũ Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/5/2014. Hiện các con chung đang ở với anh P tại xóm H, xã Q. Ly hôn chị có nguyện vọng giao hai con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 01/2025 đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành. Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2025 bị đơn anh Vũ Văn P trình bày:

Anh đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án gửi nhưng do bận công việc nên anh không thể đến Tòa án làm việc được. Anh và chị D có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/8/2010 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn có tìm hiểu, tự nguyện. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì anh đi làm xa, anh có nghi ngờ chị D có quan hệ tình cảm với người khác. Quá trình chung sống vợ chồng đã hòa giải, hàn gắn với nhau. Đến năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do chị D không quan tâm đến chồng con, thường xuyên đi làm xa nhà. Từ năm 2020 đến nay chị D không về ở với anh nữa. Quá trình sống ly thân anh chị không quan tâm đến nhau nữa. Anh vẫn còn tình cảm với chị D nhưng chị D không muốn về ở để xây dựng gia đình nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Chị D đề nghị ly hôn, anh cũng đồng ý. Anh và chị D có 02 con chung là Vũ Thị Thu P1, sinh ngày 09/6/2010 và Vũ Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/5/2014. Từ khi còn nhỏ các con chung đều do anh chăm sóc, nuôi nấng. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi hai con chung, việc chị D có cấp dưỡng nuôi con chung hay không thì tùy chị, anh không yêu cầu. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 17/01/2025 nhưng vì lý do tôn giáo và công việc nên anh đề nghị được xét xử vắng mặt.

Cháu Vũ Thị Thu P1 và Vũ Ngọc Bảo T đều trình bày ý kiến: có nguyện vọng được ở với bố là anh Vũ Văn P.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q cho biết: Chị Nông Thị D, sinh năm 1987, địa chỉ: xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang và anh Vũ Văn P, sinh năm 1984 có nơi thường trú tại xóm H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (theo số 56/2010, quyển số 02). Việc kết hôn của chị D và anh P đảm bảo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, chị D và anh P có 02 con chung là Vũ Thị Thu P1, sinh ngày 09/6/2010 và Vũ Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/5/2014. Các con chung hiện ở với anh P tại xóm H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm xác minh anh P có mặt tại địa phương. Quá trình chung sống giữa chị D và anh P có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được vì không ai yêu cầu hòa giải tại cơ sở. Chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về con chung, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt tại một số phiên làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án là thực hiện không đảm bảo quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 147 BLTTDS năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Về tình cảm: Cho chị Nông Thị D được ly hôn anh Vũ Văn P.

Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Thu P1, sinh ngày 09/06/2010 và cháu Vũ Ngọc Bảo T, sinh ngày 13/05/2014 cho anh Vũ Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nông Thị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Chị Nông Thị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Vũ Văn P, có nguyện vọng nuôi con chung, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Vũ Văn P có nơi thường trú tại xóm H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn đều xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nông Thị D và bị đơn anh Vũ Văn P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nông Thị D và anh Vũ Văn P là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không thể giải quyết được. Quá trình giải quyết vụ án, chị D kiên quyết ly hôn, anh P cũng đồng ý vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Nông Thị D được ly hôn với anh Vũ Văn P.

[2.2]. Về tranh chấp nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh P có nguyện vọng được nuôi hai con chung là cháu Vũ Thị Thu P1 và Vũ Ngọc Bảo T. Nguyên vọng được nuôi con của anh P là chính đáng, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với con chung. Từ khi sống ly thân các con chung do anh P chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo được các điều kiện cho con chung phát triển, các con chung đều có nguyện vọng ở với bố, chị D cũng thống nhất giao con chung cho P trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần tiếp tục giao các con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án chị D tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 01/2025 đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành, mặc dù anh P không yêu cầu cấp dưỡng. Điều này vừa thể hiện trách nhiệm đối với con chung, vừa là nghĩa vụ của người không trực tiếp ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật HNGĐ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng của chị D.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị D được ly hôn anh Vũ Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Thị Thu P1, sinh ngày 09/6/2010 và Vũ Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/5/2014 cho anh Vũ Văn P trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 01/2025 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Chị Nông Thị D và anh Vũ Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0005923 ngày 12/12/2024. Chị Nông Thị D còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nông Thị D, bị đơn anh Vũ Văn P có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Quỳnh Yên (ĐKKH 2010);
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ

